

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

MẪU GIÁO 3-4 TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong CĐ
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
<i>a) Phát triển vận động</i>			
1	- Chiều cao, cân nặng cần đạt cuối độ tuổi	- Cân nặng của trẻ: Trai (12,7 – 21,2kg); Gái(12,3 – 21,5kg) - Chiều cao của trẻ: Trai (94,9 – 111,7cm); Gái(94,1 – 111,3cm)	9
2	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: + Hai tay đưa ra phía trước, gập khuỷu tay, bắt chéo 2 tay trước ngực(1) + Hai tay giang ngang 2 bên, gập khuỷu tay, bắt chéo 2 tay trước ngực(2) + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước , sang hai bên(4,7), + Hai tay dang ngang 2 bên, đưa lên cao (3,5,) + Hai tay đưa lên cao, gập khuỷu tay, bắt chéo hai tay trước ngực (8) + Hai tay đưa ra phía trước, đưa lên cao(6,9) - Lưng, bụng, lườn: + Hai tay đưa lên cao, cúi xuống, đứng lên (1,4) + Hai tay dang ngang hai bên, cúi xuống, đứng lên (3, 8) + Hai tay chống hông quay người sang trái, sang phải (2,6). + Hai tay ra phía trước quay người sang phải, sangtrái(5,9) + Hai tay đặt sau gáy, nghiêng sang phải, sang trái(7) - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang (1,3,5) + Ngồi xổm, đứng lên (2,4,7) + Bật tại chỗ (6,9) + Co duỗi chân (8)	1->9
	- Trẻ giữ được thăng bằng	- Đi kiễng gót .(1)	1,5,6

3	cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết được đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Biết đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi trong đường hẹp (6) - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát(5)	
4	- Trẻ kiểm soát được vận động: - Trẻ biết đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Trẻ chạy được liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc.(3) - Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.(8) - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.(2) - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.(7)	2,3,7,8
5	- Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm). - Lăn bóng với cô	- Tung bắt bóng với cô(3) - Lăn bóng với cô(1) - Đập bắt bóng với cô(6) - Đập và bắt bóng (8)	1,3,5,8
6	- Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bò chui qua cổng - Bước lên, xuống bậc cao 30cm. - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài. - Trườn theo hướng thẳng	- Chạy liên tục 15m(9) - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc.(4) - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang.(9) - Ném xa bằng 1 tay.(7) - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích ngang).(9) - Bò theo hướng thẳng (1) - Trườn theo hướng thẳng.(3) - Trườn về phía trước (1) - Trườn theo hướng đích dắc(4) - Trườn chui qua cổng (5) - Bò theo hướng đích dắc (2) - Bò chui qua cổng.(6) - Bước lên, xuống bậc cao 30cm.(6) - Bật tại chỗ.(2) - Bật tiến về phía trước(5) - Bật xa 20 - 25cm.(6) - Bò trong đường hẹp (3mx0,4m)(4) (MT có nhưng nội dung không có)	1,2,3,4,5,6,7,9
	- Trẻ thực hiện được các	- Gập, đan các ngón tay vào nhau,	

7	vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau	quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.	4
8	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc	- Xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo (8), bút. - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Cài, cởi cúc	2->8
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
9	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...) phù hợp với bối cảnh địa phương - Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau phù hợp với bối cảnh địa phương - Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc và món ăn quen thuộc. một số món ăn quen thuộc của dân tộc Thái, ... - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2,5,6
10	- Biết rửa tay, lau mặt, súc miệng nước muối để đề phòng một số bệnh truyền nhiễm khác - Biết tháo tất, cởi quần, áo - Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. - Tháo tất, cởi quần, áo khi nóng bức	1,2,3
11	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi... - Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Trẻ chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, môi trường: Ra ngoài đeo khẩu trang, bỏ rác đúng nơi quy định.	1, 2,3,7,8

	trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- <i>Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định theo ký hiệu của bạn trai, bạn gái. Khi ngủ trẻ về đúng dãy dành cho bạn trai hay bạn gái</i> - Cởi, mặc quần áo ấm, đi giày khi trời lạnh, nóng - Nhận biết 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	
12	- Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở - Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở. - Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Biết không tự lấy thuốc uống. - Biết không leo trèo bàn ghế, lan can. - Biết không nghịch các vật sắc nhọn. - Biết không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- <i>Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</i> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - NB và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng (Ao, hồ, mương, giếng nước, nước nóng..) - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. -Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. -Kêu cứu khi người lạ sờ vào người, sờ vào bộ phận bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị bắt cóc, dọa nạt.	1,2,3,4,7,8,9

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học			
13	- Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây (quen thuộc với trẻ theo bối cảnh địa phương). - Ích lợi của nước với đời sống con	1,2,3,5,6,7,8

		người, con vật, cây. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. (quen thuộc với trẻ được làm từ nguyên liệu sẵn có của địa phương) - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc(với trẻ ở địa phương).	
14	- Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 dấu hiệu. - Chơi Phân loại : Mỗi trẻ 1 tranh vẽ những con vật nuôi thuộc nhóm gia súc và gia cầm. - Phân loại PTGT theo 1 dấu hiệu	1,5,6,7
15	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi (gắn gũi với trẻ theo bối cảnh địa phương).	8
16	- Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng (sớm, chợp,mưa bão, gió lốc, lũ lụt, sạt lở đồi, núi) quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh hiện tượng tự nhiên (sấm, chợp, mưa bão, gió lốc, lũ lụt, sạt lở đồi, núi....) đặc trưng của địa phương và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Gọi tên các biểu hiện biến đổi khí hậu thời tiết nóng, lạnh, các loại thiên tai (gió lốc, lũ lụt, động đất) hay xảy ra của địa phương, hậu quả của thiên tai, cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai...	5,6,8
17	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình.	4
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
18	- Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt , biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều.	1,3,5,6 ,8,9

19	- Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi	1,2
20	- Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. - Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. - Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	4, 5,8,9
21	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.	5,6
22	- So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước Dài- Ngắn. ;To-nhỏ ; Cao-thấp.	1,3,6
23	- Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, chữ nhật . hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	4,7
24	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian và bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau . tay phải - tay trái của bản thân.	2
c, Khám phá xã hội			
	- Nói được tên, tuổi, giới tính (trai, gái) của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, tuổi, giới tính (trai, gái) của bản thân.	2
	- Nói được tên của bố, mẹ và các thành viên (ông ,	- Tên của bố mẹ, các thành viên (ông, bà, anh, chị ,em)trong gia	3

25	bà, anh, chị, em) trong gia đình.	đình	
	- Nói được địa chỉ (bản, đội, xã) của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.1	- Địa chỉ (bản, đội, xã) gia đình.	3
	- Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	1
26	- Kể tên và được sản phẩm của nghề nông (Trồng trọt, chăn nuôi), nghề xây dựng (thợ xây, thợ mộc, đan lát truyền thống)...khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến (Trồng trọt, chăn nuôi) , nghề địa phương (Trồng trọt, chăn nuôi)của dân tộc thái, khơ mú	4
27	- Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, ngày hội 20/11, ngày tết nguyên đán, ngày 8/3, lễ hội hoa ban,... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Cờ tổ quốc, ngày lễ hội (Ngày khai giảng, ngày hội 20/11, ngày tết nguyên đán, ngày 8/3, lễ hội hoa ban) của địa phương	1,3,6,7
28	- Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh (Khu sinh thái Him Lam, suối nóng U Va, ...) ở địa phương.	-Tên của di tích lịch sử (Tượng đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Thanh An, đồi A1, bảo tàng, nghĩa trang liệt sỹ), danh lam, thắng cảnh (Khu sinh thái Him Lam, suối nóng U Va)	9

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a) Nghe hiểu lời nói

29	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ” - Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả... - Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản (Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản bằng tiếng mẹ đẻ của trẻ) - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1,2,3,4,5,6,7,8,9
----	---	---	-------------------

b) Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày			
30	- Trẻ nói rõ được các tiếng. - Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? Khi nào? - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.	1,2,3, 4, 5,6,7, 9
31	- Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	- Kể lại sự việc	6
32	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi	1->9
33	- Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn - Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Kể lại 1 vài tình tiết của truyện đã được nghe - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên (3,5)	1, 2,3,5,6,9
34	- Trẻ biết sử dụng các từ: "vâng ạ", "Dạ", "thưa", ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	1
35	- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	4
c) Làm quen với đọc viết			
36	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	1, 3,4,6,7,8
37	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện - Giữ gìn sách - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ)	1,2,4,5,7,8
	- Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:	

38		+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	8,9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội			
39	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính (trai, gái) của bản thân	- Tên tuổi, giới tính (trai, gái) của bản thân.	2,4
	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích	- Những điều bé thích, không thích	
40	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	1->9
41	- Trẻ nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói qua tranh ảnh và biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ giọng nói.	2
42	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội, của quê hương, đất nước. - Kính yêu Bác Hồ.	9
43	- Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Một số quy định của lớp và gia đình (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	1,3
44	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định của gia đình (đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - Nhận biết hành vi "đúng"- "sai", "tốt"- "xấu".	1,3,7
45	- Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ lễ phép(chào hỏi, cảm ơn) - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	1,3
46	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chơi hoà thuận với bạn	1->9
47	- Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Chờ đến lượt.	1->9

48	- Trẻ quan tâm đến môi trường: Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - <i>Giữ gìn vệ sinh môi trường bản làng, trường lớp</i>	5, 6, 8
----	---	--	---------

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

49	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. - Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện, - Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	4, 6, 8
50	- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát	1->9
51	- Trẻ có một số kỹ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	1->9
52	- Trẻ có một số kỹ năng sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	1->9
53	- Trẻ có một số kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,2, 3, 5, 6, 7, 8,9
54	- Trẻ có một số kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng các kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.	3,4,5,6,7
55	- Trẻ có một số kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất	- Sử dụng các kỹ năng nặn, để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,2,4,6,7,9

	nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.		
56	- Trẻ có một số kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1->9
57	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình	5
58	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	1->9
59	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích	8
60	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình	7,8,9

Ngày Tháng ... năm 2025
Ban giám hiệu kí duyệt

Nguyễn Thị Thu Hương

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ LỚP BÉ

Thời gian	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/Hội	ĐC BS
Từ ngày 8/9 đến 3/10/2025	1	Trường mầm non – Tết trung thu	- Trường mầm non của bé	1 (8/9 – 12/9)	Ngày hội đến trường của bé 5/9	
			- Lớp mẫu giáo của bé	1 (15/9 – 19/9)		
			- Tết trung thu	1(22/9 – 26/9)		
			- Đồ dùng, đồ chơi của bé	1 (29/9 - 3/10)		
Từ ngày 6/10 đến 31/10/2025	2	Bản thân	- Bé giới thiệu về mình	1 (6/10-10/10)		
			- Cơ thể của bé	1(13/10 -17/10)		
			- Cảm xúc của bé	1 (20/10 - 24/10)		
			- Bé cần gì để khỏe mạnh	1(27/10 -31/10)		
Từ ngày 3/11 đến 28/11/2025	3	Gia đình - Ngày Nhà giáo việt Nam 20/11	- Ngôi nhà của bé	1(3/11 -7/11)	Ngày NGVN 20/11	
			- Những người thân yêu của bé	1(10/11 –14/11)		
			-Ngày nhà giáo Việt Nam	1(17/11– 21/11)		
			-Đồ dùng trong gia đình bé	1(24/11 –28/11)		
Từ ngày 1/12 đến 26/12/2025	4	Một số nghề - Ngày 22/12	- Nghề xây dựng	1(1/12 – 5/12)		
			- Nghề sản xuất	1(8/12 –12/12)		
			-Ngày TLQĐNDVN	1(15/12 –19/12)		
			- Một số nghề bé biết	1(22/12 - 26/12)		
Từ ngày 29/12 đến 23/1/2026	5	Thế giới động vật	- Động vật nuôi trong gia đình 2 chân đẻ trứng	1(29/12 -2/1)		
			-Động vật nuôi trong gia đình 4 chân đẻ con	1(5/1 - 9/ 1)		
			-Động vật sống trong rừng	1(12/1 - 16/1)		
			- Động vật sống dưới nước	1(19/1 -23/ 1)		
Từ ngày 26/1 đến 6/3/ 2026	6	Thế giới thực vật – Ngày hội 8/3	- Một số loại cây xanh	1(26/1 – 30/1)	Tết nguyên đán - Ngày QTPN 8/3	
			- Một số loại hoa, quả	1(2/2 - 6/ 2)		
			- Tết và mùa xuân	1(9/ 2 - 13/2)		
			- Một số loại rau.	1(23/ 2 – 27/2)		
			-Ngày hội 8/3	1 (2/3 – 6/3)		
Từ ngày 9/3 đến 3/4/2026	7	Giao thông	- Một số PT GT đường bộ	1(9/3 - 13/3)		
			- Một số quy định giao thông	1(16/3 - 20/3)		
			- Một số PTGT đường thủy	1(23/3 – 27/3)		
			- Một số PTGT Hàng không	1(30/3-3/4)		
Từ ngày 6/4 đến 24/4/ 2026	8	Nước và một số hiện tượng tự	- Một số hiện tượng tự nhiên	1(6/ 4 - 10/4)		
			- Mùa hè	1(13/4 - 17/4)		
			- Sự kỳ diệu của nước	1(20/4 – 24/4)		

		nhiên				
Từ ngày 4/5 đến 22/5/ 2026	9	Quê hương đất nước - Bác Hồ	- Quê hương Điện Biên	1(4/5 – 8/5)	SN Bác 19/5. Tổng kết	
			- Bác Hồ kính yêu	1 (11/5 – 15/5)		
			-Tết thiếu nhi	1(18/5 – 22/5)		
Tổng				35		